

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)  
Công ty thành viên của JPA International  
Địa chỉ đăng ký: 73 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Chi nhánh Đà Nẵng: 6/25 Trần Quốc Tuấn, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com)

Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY



Số: 04/2024/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Căng Chân Mây, được lập ngày 15/02/2024, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

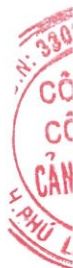
Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2024



Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES

Trần Xuân Thạnh - Giám đốc Chi nhánh  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1650-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3402-2020-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>102.138.045.907</b>	<b>114.877.434.267</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>41.415.070.887</b>	<b>54.699.220.264</b>
111	1. Tiền		21.415.070.887	16.699.220.264
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	38.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>18.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	18.000.000.000	10.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>31.933.110.729</b>	<b>36.661.354.649</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	17.370.328.541	17.986.258.348
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	2.476.167.393	6.545.650.715
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	1.500.000.000	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	14.047.943.042	13.894.228.145
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(3.461.328.247)	(3.264.782.559)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>4.589.754.909</b>	<b>3.846.510.522</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.8	4.589.754.909	3.846.510.522
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.200.109.382</b>	<b>9.670.348.832</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	246.727.185	214.702.359
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.234.085.762	9.334.601.507
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	719.296.435	121.044.966
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>569.051.364.101</b>	<b>582.914.385.295</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.032.090.878</b>	<b>10.848.886.360</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	6.032.090.878	10.848.886.360
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>535.171.391.569</b>	<b>558.123.363.834</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	533.658.445.065	558.123.363.834
222	- Nguyên giá		1.041.290.744.406	1.031.554.808.542
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(507.632.299.341)	(473.431.444.708)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	1.512.946.504	-
228	- Nguyên giá		1.939.429.785	184.609.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(426.483.281)	(184.609.600)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>13.624.585.811</b>	<b>4.897.701.790</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	13.624.585.811	4.897.701.790
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.223.295.843</b>	<b>9.044.433.311</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	14.223.295.843	9.044.433.311
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>671.189.410.008</b>	<b>697.791.819.562</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	4
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>336.633.637.988</b>	<b>355.839.891.674</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>89.688.062.364</b>	<b>91.222.138.851</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	2.538.210.230	3.677.752.041
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14a	180.614.416	174.591.118
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	-	-
314	4. Phải trả người lao động		8.782.142.188	8.032.628.205
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	3.136.467.313	3.505.073.415
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	517.255.138	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	52.003.630.437	53.600.111.430
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	19.540.000.000	19.196.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	2.989.742.642	3.035.982.642
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>246.945.575.624</b>	<b>264.617.752.823</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.14b	66.204.306.371	67.872.483.570
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	180.741.269.253	196.745.269.253
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>334.555.772.020</b>	<b>341.951.927.888</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.21	<b>334.555.772.020</b>	<b>341.951.927.888</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		27.259.580.782	27.259.580.782
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(16.757.958.762)	(9.361.802.894)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(9.361.802.894)	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(7.396.155.868)	(9.361.802.894)
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>671.189.410.008</b>	<b>697.791.819.562</b>

Người lập biểu

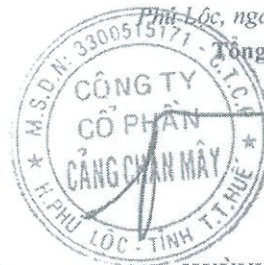


BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN



Phú Lộc, ngày 15 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám Đốc

HUỖNH VĂN TOÀN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	227.424.257.898	182.472.290.758
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		227.424.257.898	182.472.290.758
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	181.985.494.370	143.215.315.738
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.438.763.528	39.256.975.020
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.135.776.847	1.729.669.332
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	18.992.882.156	18.027.693.175
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		18.992.882.156	18.027.693.175
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.524.920.573	2.523.262.493
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	33.432.426.995	29.798.383.108
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.375.689.349)	(9.362.694.424)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	22.690.107	2.737.445
32	12. Chi phí khác	VI.8	34.997.017	1.845.915
40	13. Lợi nhuận khác		(12.306.910)	891.530
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(7.387.996.259)	(9.361.802.894)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	8.159.609	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.396.155.868)	(9.361.802.894)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9a	(228)	(289)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9b	(228)	(289)

Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng

NGÔ KHÁNH TOÀN



Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám Đốc

HUỲNH VĂN TOÀN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		(7.387.996.259)	(9.361.802.894)
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, 11	34.442.728.314	35.104.478.870
03	- Các khoản dự phòng	V.7	196.545.688	(4.018.300.032)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.3	(39.189.694)	(25.075.886)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(2.053.459.053)	(1.704.593.446)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	18.992.882.156	18.027.693.175
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu</b>		<b>44.151.511.152</b>	<b>38.022.399.787</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		7.138.690.331	(5.750.909.164)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	(743.244.387)	811.754.175
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		11.783.794.578	(13.192.919.316)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9	(5.210.887.358)	1.613.916.365
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	V.16, VI.4	(19.379.698.055)	(17.445.343.530)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(8.159.609)	(322.661.131)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.000.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.20	(56.240.000)	(193.134.427)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>37.695.766.652</b>	<b>3.543.102.759</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.10, 11, 12	(28.392.022.628)	(47.067.549.329)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(18.000.000.000)	(10.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.6, VI.3	2.058.338.505	1.667.420.843
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(34.333.684.123)</b>	<b>(55.400.128.486)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.19	-	39.764.778.644
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(15.660.000.000)	(12.000.000.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.025.421.600)	(11.551.680)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(16.685.421.600)</b>	<b>27.753.226.964</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>(13.323.339.071)</b>	<b>(24.103.798.763)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>54.699.220.264</b>	<b>78.777.943.141</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	VI.3	39.189.694	25.075.886
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>41.415.070.887</b>	<b>54.699.220.264</b>

Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng

NGÔ KHÁNH TOÀN



Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám Đốc